

Số: **0916** /VSH-TCKT

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 8 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức : Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình
- Mã chứng khoán: VSH
- Địa chỉ : 21 Nguyễn Huệ, P. Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định
- Điện thoại : (0256) 3892 792
- Fax : (0256) 3891 975

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (VSH) công bố thông tin: Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VSH vào ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại đường dẫn: <http://www.vshpc.evn.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2024;
- Giải trình biến động lợi nhuận trên BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2024.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phụ trách Quản trị Công ty;
- Lưu: Văn thư, TCKT.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thanh

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 37

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất lần thứ 8 vào ngày 5 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính trong kỳ của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam, hai chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh – Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ Tư vấn Kỹ thuật tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Quách Vĩnh Bình	Trưởng ban
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên
Ông Trần Văn Hoàng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phân tích tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Đại diện Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 11878879/67745329/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Văn Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.215.107.674.681	1.461.950.650.001
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	506.433.903.618	133.464.884.244
111	1. Tiền		16.433.903.618	8.410.103.422
112	2. Các khoản tương đương tiền		490.000.000.000	125.054.780.822
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		39.000.000.000	35.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12	39.000.000.000	35.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		562.067.063.137	1.188.895.800.127
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	554.640.727.768	1.172.099.732.750
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	13.001.308.936	21.310.082.289
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.533.270.699	4.594.229.354
137	4. Dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi	6	(9.108.244.266)	(9.108.244.266)
140	IV. Hàng tồn kho	8	107.595.992.040	104.579.377.933
141	1. Hàng tồn kho		107.595.992.040	104.579.377.933
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.715.886	10.587.697
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	10.715.886	10.587.697
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.801.825.905.338	8.071.248.268.197
220	I. Tài sản cố định		7.727.465.249.142	8.006.791.209.445
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	7.727.465.249.142	8.006.791.209.445
222	Nguyên giá		12.276.357.232.916	12.261.165.038.909
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.548.891.983.774)	(4.254.373.829.464)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		60.519.785.108	49.625.132.217
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	60.519.785.108	49.625.132.217
260	III. Tài sản dài hạn khác		13.840.871.088	14.831.926.535
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.421.079.768	4.379.261.140
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	1.141.637.010	1.141.637.010
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	11	9.278.154.310	9.311.028.385
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.016.933.580.019	9.533.198.918.198

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.358.676.293.646	4.938.334.085.728
310	I. Nợ ngắn hạn		1.226.291.397.575	1.193.995.410.086
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	136.886.256.618	137.607.100.168
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	61.841.624.706	118.499.708.519
314	3. Phải trả người lao động		9.175.732.961	17.175.350.670
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.445.731.300	6.531.758.082
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	476.648.862.988	714.756.815.271
320	6. Vay ngắn hạn	17	530.560.303.292	196.486.094.356
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	6.732.885.710	2.938.583.020
330	II. Nợ dài hạn		3.132.384.896.071	3.744.338.675.642
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	201.734.197.176	201.734.197.176
338	2. Vay dài hạn	17	2.930.650.698.895	3.542.604.478.466
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.658.257.286.373	4.594.864.832.470
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	4.658.257.286.373	4.594.864.832.470
411	1. Vốn cổ phần		2.362.412.460.000	2.362.412.460.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.362.412.460.000	2.362.412.460.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.271.968.038	6.271.968.038
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		356.373.490.000	356.373.490.000
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.661.280.000	27.661.280.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.905.538.088.335	1.842.145.634.432
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.836.613.634.432	848.155.741.522
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		68.924.453.903	993.989.892.910
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.016.933.580.019	9.533.198.918.198

Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	762.060.934.987	1.549.456.570.483
11	2. Giá vốn hàng bán	21	(462.841.750.453)	(504.116.100.764)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		299.219.184.534	1.045.340.469.719
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	3.735.515.685	3.317.714.876
22	5. Chi phí tài chính	22	(191.471.377.271)	(215.195.919.904)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(151.598.609.221)	(210.465.257.275)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(21.265.716.238)	(28.757.956.174)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.217.606.710	804.704.308.517
31	8. Thu nhập khác		-	83.455.761
32	9. Chi phí khác		(65.000.000)	(69.553.821)
40	10. (Lỗ) lợi nhuận khác		(65.000.000)	13.901.940
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90.152.606.710	804.718.210.457
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(21.228.152.807)	(66.261.561.442)
60	13. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		68.924.453.903	738.456.649.015
61	14. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		68.924.453.903	738.456.649.015
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.5	292	3.108
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.5	292	3.108

Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc



Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	I. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90.152.606.710	804.718.210.457
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	9	294.518.154.310	293.190.194.487
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		11.019.413.544	467.860.765
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.735.515.685)	(3.315.704.084)
06	Chi phí lãi vay	22	151.598.609.221	210.465.257.275
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		543.553.268.100	1.305.525.818.900
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		626.821.591.202	(521.936.287.350)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.983.740.032)	(6.192.508.154)
11	Giảm các khoản phải trả		(23.461.425.912)	(54.612.499.289)
12	Giảm chi phí trả trước		958.181.372	1.686.901.656
14	Tiền lãi vay đã trả		(173.901.014.142)	(266.951.953.088)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(43.440.415.400)	(74.991.365.669)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(1.749.097.310)	(1.842.659.477)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		925.797.347.878	380.685.447.529
	II. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(27.432.066.109)	(12.054.669.520)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(39.000.000.000)	(35.000.000.000)
24	Tiền thu gửi ngân hàng có kỳ hạn		35.000.000.000	36.500.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		3.742.533.284	2.963.342.441
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(27.689.532.825)	(7.591.327.079)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHI TIẾT	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu nợ gốc vay	17	1.258.000.000.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(1.546.898.984.179)	(264.145.692.493)
36	Cổ tức đã trả	19.4	(236.239.811.500)	(118.120.623.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(525.138.795.679)	(382.266.315.493)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		372.969.019.374	(9.172.195.043)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		133.464.884.244	131.476.931.919
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	506.433.903.618	122.304.736.876

Lê Thị Hải Yến
Người lập

Phan Thị Thanh Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("VSH" hoặc "Công ty") và một công ty con như sau:

Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất lần thứ 8 vào ngày 5 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam, hai chi nhánh là Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh tại Thôn Điek Tem, Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh – Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ Tư vấn Kỹ thuật tại Số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Hiện tại, Công ty đang vận hành 3 nhà máy thủy điện như sau:

- Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn có công suất 66 MW đặt tại Xã Vĩnh Kim, Huyện Vĩnh Thạnh, Tỉnh Bình Định.
- Nhà máy thủy điện Sông Hinh có công suất 70 MW đặt tại Xã Sơn Thành Tây, Huyện Tây Hòa, Tỉnh Phú Yên.
- Nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum có công suất 220 MW đặt tại Xã Ngok Tem, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum (Công ty Thủy điện Thượng Kon Tum – Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh).

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong kỳ là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty con

Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH ("Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH")

VSH sở hữu 100% vốn chủ sở hữu trong Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4100922968 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 24 tháng 7 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tư vấn và Dịch vụ Kỹ Thuật VSH là tư vấn, giám sát và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật công trình xây dựng. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 224 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 226).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

▶ **Cổ tức**

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

▶ **Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Nghị quyết Số 467.1/2015/TNQ-VSH-HDQT ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội Cổ đông Số 467/2015/TNQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đã phê duyệt mức trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 27.661.280.000 VND.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	133.442.776	51.186.972
Tiền gửi ngân hàng	16.300.460.842	8.358.916.450
Các khoản tương đương tiền (*)	490.000.000.000	125.054.780.822
TỔNG CỘNG	506.433.903.618	133.464.884.244

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 2,4%/năm đến 4,3%/năm.

5. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 26)	554.022.793.049	1.171.028.198.031
Phải thu từ các khách hàng khác	617.934.719	1.071.534.719
TỔNG CỘNG	554.640.727.768	1.172.099.732.750

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm	4.725.312.781	4.725.312.781
DNTN Vân Trường	1.891.000.000	1.891.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	1.422.920.070	1.422.920.070
Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng		
Tỉnh Kon Tum	893.983.053	893.983.053
Công ty TNHH Phương Đông	125.824.002	2.714.000.000
Cục giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	-	2.288.048.379
Khác	3.942.269.030	7.374.818.006
TỔNG CỘNG	13.001.308.936	21.310.082.289
Dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(9.108.244.266)	(9.108.244.266)
GIÁ TRỊ THUẬN	3.893.064.670	12.201.838.023

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.809.245.100	-
Lãi tiền gửi	1.432.876.714	1.439.894.313
Phải thu người lao động	288.700.000	3.151.886.156
Khác	2.448.885	2.448.885
TỔNG CỘNG	3.533.270.699	4.594.229.354

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	107.595.992.040	104.579.377.933

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	9.390.534.415.800	2.804.810.964.129	54.867.753.450	10.951.905.530	12.261.165.038.909
Mua trong kỳ	-	15.111.257.407	-	80.936.600	15.192.194.007
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	9.390.534.415.800	2.819.922.221.536	54.867.753.450	11.032.842.130	12.276.357.232.916
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	451.627.715.085	880.041.535.097	30.429.122.185	4.608.972.551	1.366.707.344.918
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(3.001.924.230.740)	(1.211.047.435.561)	(36.249.322.294)	(5.152.840.869)	(4.254.373.829.464)
Khấu hao trong kỳ	(243.107.396.991)	(48.726.852.273)	(1.490.384.496)	(193.520.550)	(294.518.154.310)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(3.245.031.627.731)	(1.260.774.287.834)	(37.739.706.790)	(5.346.361.419)	(4.548.891.983.774)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	6.388.610.185.060	1.593.763.528.568	18.618.431.156	5.799.064.661	8.006.791.209.445
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	6.145.502.788.069	1.559.147.933.702	17.128.046.660	5.686.480.711	7.727.465.249.142

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 106.135.451.689 VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (Thuyết minh số 17).

Nhóm Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 7.424.898.154.622 VND làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn theo các hợp đồng thế chấp lần lượt là số 01/2015/HĐTCTS và số 01/2017/HĐTCTS ngày 26 tháng 3 năm 2015 và ngày 27 tháng 12 năm 2017 và các Phụ lục sửa đổi bổ sung (Thuyết minh số 17).

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (*)	36.344.842.149	38.326.164.450
Dự án khác	24.174.942.959	11.298.967.767
TỔNG CỘNG	60.519.785.108	49.625.132.217

(*) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đang trong quá trình thực hiện quyết toán.

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	49.625.132.217	55.787.129.543
Tăng trong kỳ	15.164.023.571	2.655.341.818
Điều chỉnh giảm chi phí xây dựng cơ bản khi quyết toán giá trị hạng mục dở dang	(4.269.370.680)	(3.962.833.734)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(2.193.000.000)
Số cuối kỳ	60.519.785.108	52.286.637.627

11. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Đây là giá trị thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng dùng để thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

12. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản các tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 4,2%/năm.

Nhóm Công ty đã thế chấp toàn bộ khoản tiền gửi ngân hàng này để ngân hàng cấp bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 17).

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tổ hợp nhà thầu Huadong - CR 18G	84.420.271.971	84.420.271.971
Công ty Cổ phần Xây dựng 47 ("C47")	41.097.513.768	41.097.513.768
Các nhà cung cấp khác	11.368.470.879	12.089.314.429
TỔNG CỘNG	<u>136.886.256.618</u>	<u>137.607.100.168</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.440.415.400	21.228.152.807	(43.440.415.400)	21.228.152.807
Thuế tài nguyên	27.092.329.749	84.382.047.052	(96.836.056.152)	14.638.320.649
Phí dịch vụ môi trường rừng	23.593.106.808	30.274.754.112	(39.557.442.204)	14.310.418.716
Thuế giá trị gia tăng	20.541.558.816	61.098.616.391	(71.800.411.356)	9.839.763.851
Thuế tài nguyên nước	-	10.855.470.600	(9.046.225.500)	1.809.245.100
Thuế thu nhập cá nhân	3.821.710.049	1.649.536.092	(5.466.238.444)	5.007.697
Thuế khác	-	577.618.378	(577.618.378)	-
TỔNG CỘNG	<u>118.489.120.822</u>	<u>210.066.195.432</u>	<u>(266.724.407.434)</u>	<u>61.830.908.820</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	<i>(10.587.697)</i>			<i>(10.715.886)</i>
<i>Phải trả</i>	<i>118.499.708.519</i>			<i>61.841.624.706</i>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí lãi vay trích trước	<u>4.445.731.300</u>	<u>6.531.758.082</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Ngắn hạn	476.648.862.988	714.756.815.271
Phải trả cổ tức (*)	472.639.836.700	708.879.648.200
Phải trả khác	4.009.026.288	5.877.167.071
Dài hạn	201.734.197.176	201.734.197.176
Phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng (**)	201.734.197.176	201.734.197.176
TỔNG CỘNG	678.383.060.164	916.491.012.447
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>392.792.054.000</i>	<i>589.188.081.000</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>285.591.006.164</i>	<i>327.302.931.447</i>

(*) Đây là khoản tiền phải trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 361/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền là 30% trên vốn điều lệ.

(**) Đây là khoản tiền phải trả cho Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong – CR18G (“Tổ hợp nhà thầu”) liên quan đến việc Công ty đã thu hồi bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Tổ hợp nhà thầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng	Giảm	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND
Ngắn hạn	196.486.094.356	1.258.000.000.000	(1.053.496.880.641)	127.667.087.178	1.904.002.399	530.560.303.292	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 17.1)	-	1.258.000.000.000	(818.000.000.000)	-	-	440.000.000.000	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	196.486.094.356	-	(235.496.880.641)	127.667.087.178	1.904.002.399	90.560.303.292	
Dài hạn	3.542.604.478.466	818.000.000.000	(1.311.402.103.538)	(127.667.087.178)	9.115.411.145	2.930.650.698.895	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	3.542.604.478.466	818.000.000.000	(1.311.402.103.538)	(127.667.087.178)	9.115.411.145	2.930.650.698.895	
TỔNG CỘNG	3.739.090.572.822	2.076.000.000.000	(2.364.898.984.179)	-	11.019.413.544	3.461.211.002.187	

17.1 Vay từ bên liên quan

Chi tiết các khoản vay tín chấp từ bên liên quan (Thuyết minh số 26) nhằm mục đích tái cấu trúc các khoản vay từ ngân hàng như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	440.000.000.000	Ngày 25 tháng 9 năm 2024	Lãi suất biến 3% + Lãi suất huy động tiết kiệm niêm yết 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay ngắn hạn dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)	Hợp đồng	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Bình Định (i)	574.174.000.000	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 850 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2026 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	8,2 – 8,5
	416.287.000.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 600 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2026 đến ngày 8 tháng 10 năm 2030	7,7 – 8,0
	776.785.000.000	Số 01/2024/HĐTD với hạn mức 818 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2024 đến ngày 22 tháng 9 năm 2030	7,7 – 8,0
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Kon Tum (i)	597.924.232.167	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 700 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2026 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	8,1 – 8,5
	228.228.998.000	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 500 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2028 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	7,6 – 8,0
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") - Chi nhánh Gia Lai (i)	340.411.000.000	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 400 tỷ đồng	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2026 đến ngày 13 tháng 7 năm 2030	8,1 – 8,5

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay ngắn hạn dài hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau (tiếp theo):

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Hợp đồng	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	(VND)			(%/năm)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ (i)	87.400.772.020	Hợp đồng số 01/TDNN	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2024 đến ngày 31 tháng 3 năm 2035	Phí dịch vụ 0,75% và phí quản lý 0,2%

TỔNG CỘNG

3.021.211.002.187

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 90.560.303.292
Vay dài hạn 2.930.650.698.895

(i) Những khoản vay này nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thương Kon Tum, theo thỏa thuận tài trợ dự án số 01/2015/TTDA và 01/2017/TTDA và các phụ lục sửa đổi bổ sung giữa Công ty và các ngân hàng thương mại bao gồm BIDV - Chi nhánh Bình Định, Vietcombank - Chi nhánh Kon Tum, Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai trong đó, BIDV - Chi nhánh Bình Định giữ vai trò là ngân hàng đầu mối và đại lý nhận tài sản đảm bảo, bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Thương Kon Tum (Thuyết minh số 9).

(ii) Đây là khoản vay để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Sông Hinh từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Quỹ Phát triển Bắc Âu ("NDF"). Vào ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã nhận bản giao khoản vay này từ Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam - EVN) khi thực hiện cơ phần hoá thông qua hợp đồng tín dụng số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Phú Yên (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ). Các khoản vay này không lãi suất và chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm. Công ty sử dụng một phần tài sản có định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh làm tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 9).

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	2.938.583.020	1.600.315.631
Trích từ lợi nhuận sau thuế	5.532.000.000	8.048.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(1.749.097.310)	(1.842.659.477)
Các nguồn khác	11.400.000	252.836.066
Số cuối kỳ	<u>6.732.885.710</u>	<u>8.058.492.220</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	2.273.651.217.522	5.026.370.415.560
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	738.456.649.015	738.456.649.015
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(8.048.000.000)	(8.048.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(708.723.738.000)	(708.723.738.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	2.295.336.128.537	5.048.055.326.575
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	1.842.145.634.432	4.594.864.832.470
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	68.924.453.903	68.924.453.903
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(5.532.000.000)	(5.532.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	2.362.412.460.000	6.271.968.038	356.373.490.000	27.661.280.000	1.905.538.088.335	4.658.257.286.373

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 361/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt là 30% trên vốn điều lệ và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trước đó, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt là 30% trên vốn điều lệ theo Nghị quyết số 1511/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 12 năm 2023.

19.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị (VND)	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty TNHH Năng lượng REE	1.242.129.780.000	52,58	1.242.129.780.000	52,58
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần Samarang Ucits - Samarang Asian Prosperity	721.830.490.000	30,55	721.830.490.000	30,55
Các cổ đông khác	233.297.240.000	9,88	233.297.240.000	9,88
	165.154.950.000	6,99	165.154.950.000	6,99
TỔNG CỘNG	2.362.412.460.000	100,00	2.362.412.460.000	100,00

19.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	236.241.246	236.241.246
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	236.241.246	236.241.246
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	236.241.246	236.241.246
Cổ phiếu đang lưu hành	236.241.246	236.241.246
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	236.241.246	236.241.246

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19.4 Cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	-	708.723.738.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	236.239.811.500	118.120.623.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	68.924.453.903	738.456.649.015
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	4.109.842.778
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	68.924.453.903	734.346.806.237
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	236.241.246	236.241.246
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	292	3.108
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	292	3.108

(*) Lãi dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Số 361/NQ-ĐHĐCĐ ngày 4 tháng 4 năm 2024.

Lãi dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chưa được điều chỉnh khoản trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 do chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và vào ngày kết thúc kỳ kế toán của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Doanh thu bán điện cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	762.060.934.987	1.549.456.570.483

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.735.515.685	3.315.704.084
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	2.010.792
TỔNG CỘNG	3.735.515.685	3.317.714.876

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí khấu hao	294.231.742.078	292.897.274.471
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	125.512.271.764	160.567.847.041
Chi phí nhân viên	28.610.160.806	36.341.939.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.596.750.508	2.565.457.649
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.557.984.523	1.680.718.524
Chi phí khác	8.332.840.774	10.062.863.927
TỔNG CỘNG	462.841.750.453	504.116.100.764

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	151.598.609.221	210.465.257.275
Phí thanh toán trước hạn	20.184.555.639	1.075.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.656.389.911	637.650.203
Khác	31.822.500	3.018.012.426
TỔNG CỘNG	191.471.377.271	215.195.919.904

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân viên	11.198.946.780	15.782.865.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.788.756.968	5.574.647.862
Thuế, phí và lệ phí	646.973.565	1.206.720.687
Chi phí vật liệu quản lý	292.794.968	304.313.756
Chi phí khấu hao	286.412.232	292.920.016
Chi phí khác	5.051.831.725	5.596.488.606
TỔNG CỘNG	21.265.716.238	28.757.956.174

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 9</i>)	294.518.154.310	293.190.194.487
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	125.512.271.764	160.567.847.041
Chi phí nhân viên	39.809.107.586	52.124.804.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.385.507.476	8.140.105.511
Chi phí nguyên vật liệu	2.326.708.344	1.886.180.460
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.557.984.523	1.680.718.524
Chi phí khác	11.997.732.688	15.284.206.516
TỔNG CỘNG	<u>484.107.466.691</u>	<u>532.874.056.938</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2005) và mức thuế suất phổ thông đối với thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác.

Đối với dự án Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang được áp dụng phù hợp với các quy định hiện hành.

Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (2023: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>21.228.152.807</u>	<u>66.261.561.442</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90.152.606.710	804.718.210.457
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	18.030.521.342	160.943.642.091
<i>Điều chỉnh:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	5.312.039.047	-
Chi phí không được trừ	61.482.283	64.683.045
Thuế TNDN được miễn	(2.107.258.496)	(94.678.120.492)
Khác	(68.631.369)	(68.643.202)
Chi phí thuế TNDN	21.228.152.807	66.261.561.442

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành, Nhóm Công ty đã ghi nhận điều chỉnh giảm chi phí TNDN trong kỳ hiện hành với tổng giá trị là 5.312.039.047 VND.

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	518.657.708	518.657.708	-	-
Khác	622.979.302	622.979.302	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.141.637.010	1.141.637.010	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan bao gồm các công ty con, các công ty trong cùng tập đoàn Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh ("Tập đoàn") và các bên liên quan khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Võ Thành Trung
Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Lê Tuấn Hải
Ông Nguyễn Quang Quyền
Ông Nguyễn Thanh Hải
Ông Quách Vĩnh Bình
Ông Hoàng Kim Minh
Ông Trần Văn Hoàng
Ông Hoàng Anh Tuấn
Ông Dương Tấn Tường
Bà Phan Thị Thanh Thúy
Ông Trần Công Đàm
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E
Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh
Công ty TNHH Bất động sản REE
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản R.E.E
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ REEPRO
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình
Công ty TNHH Nước sạch REE
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Hải
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tổng Giám Đốc - Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị
Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng
Giám đốc Chi nhánh
Công ty mẹ cao nhất
Công ty mẹ
Cổ đông lớn
Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn
Công ty con
Công ty con của công ty mẹ
Công ty con của cổ đông lớn
Công ty con của cổ đông lớn

Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị
Công ty có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	762.060.934.987	1.549.456.570.483
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Vay Lãi vay và trái phiếu Thanh toán trái phiếu	440.000.000.000 722.263.014 -	- 4.732.939.727 153.000.000.000
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Chia cổ tức	124.212.978.000	62.106.489.000
Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP	Cổ đông lớn	Chia cổ tức Chi hộ	72.183.049.000 3.884.496.200	36.091.524.500 -
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Công ty con của cổ đông lớn	Thanh toán trái phiếu	-	66.000.000.000 2.783.824.658

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn với cổ đông lớn	Bán điện	<u>554.022.793.049</u>	<u>1.171.028.198.031</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Năng lượng REE	Công ty mẹ	Chia cổ tức	248.425.956.000	372.638.934.000
Tổng Công ty Phát Điện 3 - CTCP	Cổ đồng lớn	Chia cổ tức	144.366.098.000	216.549.147.000
			392.792.054.000	589.188.081.000
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ cao nhất	Vay	440.000.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các nhân viên quản lý khác:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc	2.303.585.745	2.303.581.665
Ông Võ Thành Trung	633.369.345	633.369.345
Ông Nguyễn Văn Thanh	586.105.000	586.105.800
Ông Dương Tấn Tường	420.850.000	420.847.560
Ông Hoàng Anh Tuấn	420.850.000	420.847.560
Ông Nguyễn Quang Quyền	80.803.800	80.803.800
Ông Lê Tuấn Hải	80.803.800	80.803.800
Ông Nguyễn Thanh Hải	80.803.800	80.803.800
Thưởng của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc	400.000.000	1.144.314.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	210.089.880	339.709.860
Ông Trương Minh Tuấn	-	210.423.780
Ông Quách Vĩnh Bình	80.803.800	64.643.040
Ông Trần Văn Hoàng	64.643.040	64.643.040
Ông Hoàng Kim Minh	64.643.040	-
TỔNG CỘNG	2.913.675.625	3.787.605.525

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong kỳ của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty bán ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

28. CÁC VỤ KIẾN TỤNG

1. Vụ kiện tại Tòa án Nhân dân ("TAND") Thành phố Hà Nội

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2020, Công ty đã nộp đơn khởi kiện đến TAND Thành phố Hà Nội để yêu cầu TAND buộc Tổng Công ty Bảo hiểm PVI phải thanh toán cho Công ty với số tiền là 43.150.320.450 VND.

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2021, vụ kiện đã được TAND Thành phố Hà Nội thụ lý.

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chấp nhận khoản tiền bồi thường mà Tổng Công ty Bảo hiểm PVI và các Nhà Tái bảo hiểm đề nghị thanh toán là 1.129.864 USD. Công ty đã nhận được khoản bồi thường trị giá lần lượt là 4.269.370.680 VND (169.480 USD) VND và 8.533.442.026 VND (338.938 USD) vào ngày 17 tháng 6 năm 2024 và ngày 24 tháng 7 năm 2024.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty vẫn chưa nhận đầy đủ khoản tiền bồi thường nêu trên và vụ kiện chưa được đưa ra xét xử.

2. Vụ C47 kiện Công ty tại Tòa án Nhân dân ("TAND") Thành phố Quy Nhơn

Vào ngày 7 tháng 6 năm 2023, TAND Thành phố Quy Nhơn đã thụ lý vụ C47 kiện Công ty để yêu cầu Công ty thanh toán số tiền còn nợ theo Quyết toán Hợp đồng 1382 với nợ gốc là 15.184.549.985 VND và tiền lãi là 4.203.102.401 VND, tổng yêu cầu theo Đơn khởi kiện là 20.022.998.985 VND. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã ghi nhận khoản phải trả C47 với số tiền gốc trị giá 15.184.549.985 VND và chưa trích lập dự phòng cho khoản tiền lãi phạt do tranh chấp đang được Tòa án giải quyết.

Vào ngày 8 tháng 7 năm 2024, TAND Thành phố Quy Nhơn đã tuyên án sơ thẩm và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của C47, buộc Công ty thanh toán cho C47 số tiền còn nợ theo Quyết toán Hợp đồng 1382 với nợ gốc là 15.184.549.985 VND và tiền lãi là 4.022.263.640 VND.

Vào ngày 20 tháng 7 năm 2024, Công ty đã gửi đơn kháng cáo đến TAND Tỉnh Bình Định để xem xét lại vụ việc theo trình tự phúc thẩm.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, vụ kiện chưa được đưa ra xét xử phúc thẩm.

3. Vụ C47 kiện Công ty tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế ("VIAC")

Vào ngày 24 tháng 1 năm 2024, C47 khởi kiện Công ty để yêu cầu Công ty thanh toán số tiền còn nợ của Hợp đồng 653 với nợ gốc là 35.117.541.752 VND và tiền lãi là 9.911.639.376 VND. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã ghi nhận khoản phải trả C47 với số tiền gốc trị giá 32.679.711.752 VND.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, VIAC đang trong quá trình thành lập Hội đồng Trọng tài.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tổn thất từ các vụ kiện này là thấp và theo đó Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản nợ gốc còn lại và tiền lãi phạt do tranh chấp đang được Tòa án giải quyết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoài sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 28, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty


Lê Thị Hải Yến
Người lập


Phan Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc



M.S.D. 44.08564786-G.T.C.P
T.P. QUỲ NHƠN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TỈNH BÌNH ĐỊNH

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024